

Bản án số: 64/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28/11/2018

V/v xin ly hôn có yếu tố nước ngoài

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Tâm;

Bà Trần Thị Ngọc Trân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2016/TLST-HNGĐ ngày 24/3/2016 về việc: “*Xin ly hôn có yếu tố nước ngoài*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Võ Thu M (tên gọi khác Ph)**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: 641 khu phố P, thị trấn L, huyện T, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam (Có mặt)

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1960 (Vắng mặt).

Địa chỉ trước đây: 1460 E Bellrd # 1080 Phoenix AZ 85022 USA.

Địa chỉ hiện nay: 201 W Hermosa Dr Tempe AZ 85022 USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/12/2015, bản tự khai ngày 29/3/2016 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Võ Thu M trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H quen biết nhau qua sự mai mối của người thân, lúc đó anh H vẫn ở Hoa Kỳ nên chủ yếu liên lạc với nhau qua điện thoại, khoảng 6 tháng sau khi quen nhau anh H về Việt Nam gặp chị và tiến hành đăng ký kết hôn với chị và được UBND tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/7/2006, có tổ chức lễ cưới tại nhà chị tại số 641 khu phố P, thị trấn L, huyện T, Kiên Giang.

Khi kết hôn anh H có cho chị 2000USD, dây chuyền, bông tai và nhẫn cưới bằng vàng 24K. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được khoảng 1 tháng tại nhà chị thì anh H trở về M. Đến năm 2007, anh H có về Việt Nam và cùng chị về quê chồng tại Đà Nẵng được 3 tuần, thời điểm này tình cảm vợ chồng còn tốt đẹp. Sau đó, anh H lại trở về M để làm thủ tục bảo lãnh cho chị sang M đoàn tụ, tuy nhiên qua 2 lần phỏng vấn tại Lãnh sự quán chị đều không đạt nên không thể sang M đoàn tụ với anh H. Từ khi biết chị phỏng vấn không đạt, anh H đã chủ động cắt liên lạc với chị từ cuối năm 2007 cho đến nay, chị đã nhiều lần tìm cách liên lạc với anh H nhưng không được. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn lại được nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: trong quá trình chung sống chị và anh H không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự và Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao “Quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự” đến nơi bị đơn anh Nguyễn Văn H cư trú theo địa chỉ chị M cung cấp tại: 1460 E Bellrd # 1080 Phoenix AZ 85022 USA để tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo ngày mở phiên họp hòa giải và phiên tòa giải quyết ly hôn theo quy định. Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại San Francisco đã tiến hành thông báo trên cổng thông tin điện tử của Tổng lãnh sự quán thông báo ngày giờ tòa án tiến hành phiên họp hòa giải và xét xử vụ án xin ly hôn giữa chị M với anh H nhưng anh Nguyễn Văn H vẫn không đến nhận hồ sơ tổng đạt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thu M.

Tại phiên tòa, chị M vẫn giữ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến: về thẩm quyền xét xử do vụ án có đương sự là anh Nguyễn Văn H là người nước ngoài, nên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn là anh Nguyễn Văn H mặc dù Tòa án đã thực hiện đầy đủ hợp lệ việc ủy thác tư pháp về tổng đạt văn bản tố tụng cho anh H nhưng anh H không có phản hồi và không nhận hồ sơ tổng đạt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thu M: do chị M mất liên lạc với anh H đã lâu và vợ chồng không có thời gian chung sống với nhau từ năm 2007 cho đến

nay, chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị M. Về con chung, tài sản chung, nợ chung các bên không yêu cầu, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao “Quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự” để tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo ngày mở phiên hòa giải và phiên tòa giải quyết ly hôn. Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ đã có biên bản xác nhận vào ngày 17/9/2018 về việc tổng đạt Thông báo cho anh Nguyễn Văn H theo đề nghị của Tòa án nhưng không thực hiện được do đương sự không phản hồi và đã tiến hành niêm yết nội dung ủy thác tại trụ sở và trên cổng thông tin điện tử của Tổng lãnh sự quán trong thời gian 30 ngày nhưng đương sự không đến nhận hồ sơ tổng đạt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn H.

[2]. Về thẩm quyền: Trong vụ án có một bên là anh Nguyễn Văn H là người Việt Nam có quốc tịch Hoa Kỳ nên Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 123 Luật hôn nhân gia đình; khoản 3 Điều 35, Điều 37 và Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thu M, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về quan hệ hôn nhân: chị Võ Thu M và anh Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 188, quyền số 01 ngày 11 tháng 8 năm 2006 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp là phù hợp với quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 103 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hôn nhân gia đình về quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Nhưng đối với hôn nhân của chị M và anh H thì anh, chị sống xa nhau và không có điều kiện

gặp nhau nên không duy trì được mối quan hệ vợ chồng. Hiện tại anh, chị cũng không còn liên lạc với nhau từ năm 2007 và tình cảm vợ chồng không còn nên anh, chị không thể xây dựng được gia đình hạnh phúc. Do đó, xét thấy mục đích hôn nhân của chị M và anh H không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc cho chị M được ly hôn với anh H theo qui định tại Điều 56, Điều 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị M và anh H không có con chung nên không xem xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: chị Võ Thu M không yêu cầu và anh H không ý kiến nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Võ Thu M phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 35, Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 3 Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: Điều 9, Điều 10, Điều 103 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 56, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; khoản 8 Điều 27, khoản 1 mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thu M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thu M được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.
2. Về quan hệ con chung: chị M và anh H không có con chung nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị Võ Thu M không có yêu cầu và anh Nguyễn Văn H không có ý kiến nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Võ Thu M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000 đồng, khấu trừ 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị M đã nộp theo biên lai thu tiền án phí, lệ phí số 0004886 ngày 17 tháng 3 năm 2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Chị Võ Thu M có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao xét xử lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

Riêng anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Thị Minh Trang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Văn Tâm Trần Thị Ngọc Trân

Ngô Thị Minh Trang

